

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ XÂY DỰNG VÀ KHAI THÁC NGUỒN LỰC THÔNG TIN VỀ BIỂN, ĐẢO VIỆT NAM

ThS Phạm Thị Thu Hương
Chi cục Văn thư Lưu trữ Hải Phòng

Tóm tắt: Trình bày một số khái niệm và cách nhận dạng, nguồn lực thông tin về biển, đảo Việt Nam. Khái quát thực trạng việc xây dựng và khai thác nguồn lực thông tin biển, đảo. Đề xuất các giải pháp và một số kiến nghị để tạo lập và phát triển bền vững nguồn lực thông tin về biển, đảo phục vụ cho phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền của đất nước.

Từ khóa: Nguồn lực thông tin; nguồn lực thông tin về biển đảo; Việt Nam.

The development and utilization of information resources on oceans and islands of Vietnam

Abstract: The article discusses definitions and methodologies to identify information resources in general and information resources on oceans and islands of Vietnam in particular. It analyzes the current status of the development and utilization of information resources on oceans and islands of Vietnam as well as proposes recommendations to further develop these information resources to serve economic development and sovereign protection of the country.

Keywords: Information resources; Information resources on oceans and islands; Vietnam.

Mở đầu

Việt Nam có ba mặt: Đông, Nam và Tây Nam tiếp giáp với Biển Đông, bờ biển dài 3.260 km từ Móng Cái đến Hà Tiên, có 28 tỉnh thành tuyến biển. Trong nhiều văn bản của Đảng và nhà nước, Biển đảo Việt Nam được xác định là địa bàn chiến lược về quốc phòng - an ninh, kinh tế - xã hội, là cửa khẩu giao lưu với thế giới [Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011]. Để thực hiện được chiến lược phát triển kinh tế biển như được ghi trong nghị quyết của Đảng cần phải huy động nhiều nguồn lực, trong đó có nguồn lực thông tin (NLTT) về biển, đảo.

Tuy nhiên, đến nay, một lượng lớn thông tin về biển, đảo ở nước ta bị phân tán ở nhiều nguồn khác nhau: trong các cơ quan thông tin, thư viện công cộng, thư viện chuyên ngành, các cơ quan lưu trữ, trong nhân dân. Thông tin về biển, đảo được lưu trữ trong các cơ quan thông tin còn chưa thật đầy đủ và chưa có tính hệ thống. Việc tổ chức khai thác thông tin về biển, đảo vì vậy chưa đáp ứng

được nhu cầu của người dùng tin. Nhìn chung, thông tin về biển, đảo ở nước ta chưa thể được coi là đã tổ chức thành nguồn lực. Trong bối cảnh đó, việc xem xét, làm sao để hình thành được NLTT về biển, đảo thực sự là nhiệm vụ cấp bách và có tính thời sự.

1. Nhận dạng nguồn lực thông tin về biển, đảo

NLTT về biển, đảo được hiểu là không gian thông tin xác định theo đối tượng biển, đảo. Thông tin về biển, đảo ở đây được hiểu là các dữ liệu thể hiện dưới dạng văn bản, số, hình ảnh, hoặc âm thanh, được ghi lại trên các phương tiện vật mang khác nhau. Các bộ sưu tập mang nội dung về biển, đảo là những thông tin mô tả các yếu tố liên quan đến biển, đảo, có cấu trúc và có thể truy cập, có giá trị cho người sử dụng, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền quốc gia.

NLTT về biển, đảo được tạo lập, tồn tại, luân chuyển trong xã hội là một đối tượng phức tạp và đa dạng, thể hiện bằng nhiều

thông số, dấu hiệu khác nhau. Với tư cách là đối tượng của chính sách, NLTT về biển, đảo cần phải được nhận dạng dựa trên các dấu hiệu, trong đó quan trọng nhất là:

- Nội dung (chủ đề): NLTT về biển, đảo bao gồm các chủ đề: Chính trị - Xã hội; Luật pháp - Chủ quyền; Văn hóa - Lịch sử; Kinh tế - Du lịch; Môi trường - Tài nguyên, sinh thái; Khoa học - Công nghệ,...

- Dạng nguồn thông tin, bao gồm: Tài liệu công bố; tài liệu không công bố; tài liệu đặc biệt; tài liệu tra cứu, bách khoa toàn thư; ...

- Hình thức thông tin, bao gồm: thông tin văn bản với các loại tài liệu sơ cấp (tài liệu bậc 1) và thứ cấp (tài liệu bậc 2); các dữ liệu có cấu trúc, gồm: Cơ sở dữ liệu tổng hợp; Cơ sở dữ liệu chuyên ngành; thông tin trên mạng; thông tin nghe nhìn.

- Hình thức sở hữu thông tin, bao gồm: Tài sản xã hội; quốc gia; sở hữu của các tổ chức xã hội; sở hữu của chủ thể pháp luật (tư nhân);

- Hình thức truy cập: Mở; hạn chế; mật.

Quá trình tạo lập, quản trị và phát triển NLTT về biển, đảo trong các quốc gia đều do các hệ thống (mạng lưới) thông tin thực hiện. Một phần hệ thống này được tổ chức ở các cấp quốc gia; phần còn lại trong khuôn khổ các hãng, các tập đoàn, các bộ và các tổ chức khác. Trong một số trường hợp, hệ thống chỉ mang tính chức năng mà không hình thành tổ chức. Trên bình diện hệ thống, các hệ thống thông tin về biển, đảo được xây dựng dựa trên hai mô hình chính: Mô hình định hướng theo chủ đề và mô hình định hướng theo dạng tài liệu.

2. Thực trạng nguồn lực thông tin biển, đảo Việt Nam

Thông tin về biển, đảo Việt Nam là tổng hợp các tài liệu/dữ liệu phản ánh các khía cạnh khác nhau về đường cơ sở, nội thủy, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa, các đảo và các quần đảo thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam; hoạt động trong vùng biển Việt Nam; phát triển kinh tế biển, đảo chính sách quản lý và bảo vệ biển, đảo, quản lý và bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới quốc gia, biển, đảo... Tài liệu về biển, đảo ở Việt Nam hiện nằm rải rác ở các tổ chức, các ngành, các địa phương không theo

một hệ thống quản lý thống nhất, chưa có sự điều phối để sử dụng, chia sẻ thông tin một cách hợp lý và có hiệu quả.

Hiện nay, điều kiện bảo quản tài liệu không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật cho việc lưu giữ và bảo quản tài liệu lâu dài nên tới nay nhiều tài liệu đang bị hủy hoại về mặt vật lý và thất lạc. Phần lớn các tài liệu về biển, đảo trước đây do chất liệu giấy xấu, văn bản thường ở dạng đánh máy, bản vẽ in mờ nên nhiều tài liệu rất khó khai thác.

Quy trình thực hiện nghiên cứu trong lĩnh vực về biển, đảo đến nay chưa có sự đổi mới, thường vẫn là: thu thập tài liệu, chỉnh lý tài liệu, sau khi được nghiệm thu và giao nộp vào kho lưu trữ thì coi như đã kết thúc. Tài liệu, dữ liệu về biển, đảo ít được phổ biến tới người sử dụng, vì loại tài liệu này thường được coi là tài liệu "Mật", hoặc đưa vào danh mục "Tài liệu hạn chế sử dụng". Cũng chưa có chính sách và quy định, hướng dẫn cụ thể về sử dụng tài liệu về biển, đảo nên có tình trạng, cơ quan, tổ chức cần mua không được, sử dụng rất khó, thậm chí không tiếp cận được. Tình trạng trên đã dẫn đến hiện tượng "đóng băng" về một loại nguồn lực thông tin rất quan trọng và đưa đến các hậu quả:

- Không phát huy được hiệu quả của nguồn thông tin về biển, đảo vốn rất tốn kém về tiền của, sức lực và trí tuệ để tạo ra;

- Công tác điều tra và nghiên cứu về biển, đảo bị trùng lặp do không nắm được thông tin về các kết quả đã thực hiện;

- Tạo điều kiện nảy sinh các tình trạng tiêu cực, ví dụ, việc mua bán "ngầm" tài liệu về biển, đảo, hoặc một số cá nhân biến nguồn thông tin này thành của riêng. Điều này rất nguy hại đồng thời gây lãng phí cho nhà nước và xã hội;

- Việc xây dựng Chiến lược và các chương trình biển, đảo phục vụ cho việc phát triển kinh tế, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc thiếu căn cứ thông tin, vì thế không ít trường hợp không khả thi.

Cần phải nhận thức được rằng, NLTT về biển, đảo là thành quả trong nhiều năm của nhiều cơ quan. Các tài liệu về biển, đảo thu thập, xây dựng được phải coi như một tài sản đặc biệt, vô giá của quốc gia, vì chúng là căn cứ, là cơ sở cho việc phát triển các ngành

khoa học, kinh tế biển và an ninh quốc phòng. Chính vì vậy, việc quản lý, lưu giữ, bảo quản, khai thác và đưa NLTT này vào sử dụng trong thực tiễn phải được coi trọng.

Trong bối cảnh hiện nay, để xây dựng và phát huy được các NLTT về biển, đảo cần áp dụng một giải pháp toàn diện có tính hệ thống mà nội dung chủ yếu của chúng được đề xuất ở phần dưới sau đây.

3. Một số giải pháp tạo lập nguồn lực thông tin về biển, đảo

Xây dựng NLTT về biển, đảo là bài toán lớn, mang tính hệ thống [Nguyễn Hữu Hùng, 2005b; Antopolsky, 2003]. Để sớm xây dựng nguồn lực thông tin về biển, đảo cần kiên trì thực hiện bốn giải pháp sau đây:

3.1. Điều tra và đánh giá hiện trạng tài liệu biển, đảo

Tiến hành tổng điều tra hiện trạng tài liệu về biển, đảo hiện có ở các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước về biển, đảo ở Trung ương và các địa phương; trước mắt chú trọng ở các điểm đầu mối lớn như: Thư viện Quốc gia, Viện Thông tin Khoa học xã hội Việt Nam, Thư viện tỉnh, các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, các Chi cục Văn thư, Lưu trữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Nội dung điều tra gồm:

- Thống kê danh mục, số lượng tài liệu ở từng nơi lưu trữ;
- Đánh giá hiện trạng mức độ bảo quản của tài liệu;
- Đánh giá hiện trạng điều kiện bảo quản tài liệu ở các kho lưu trữ dữ liệu và số liệu;
- Kiến nghị các giải pháp về hệ thống lưu trữ, sắp xếp và bảo quản tài liệu.

Kết quả điều tra gồm:

- Báo cáo về hiện trạng các tài liệu điều tra cơ bản của từng cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước về biển, đảo ở Trung ương và các địa phương; Thư viện Quốc gia, các Thư viện tỉnh, các Trung tâm Lưu trữ quốc gia, các Chi cục Văn thư, Lưu trữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các bản thống kê danh mục cùng hồ sơ giải thích, các phòng (khối) tài liệu của các đơn vị;

- Các bản kiến nghị về tiêu chí thu thập, bổ sung tài liệu biển, đảo, chỉnh lý khoa học, sắp xếp, lưu trữ các tài liệu về biển, đảo của các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước về biển, đảo ở Trung ương và các địa phương, như: Thư viện Quốc gia, các Thư viện tỉnh, các Trung tâm lưu trữ quốc gia, các Chi cục Văn thư, Lưu trữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Kiến nghị về nguồn kinh phí thu thập, bổ sung như: định giá mua, bán, trao đổi; kinh phí thu phí khai thác và sử dụng tài liệu về biển, đảo.

3.2. Xây dựng các quy chế về thu thập, lưu trữ, phổ biến và khai thác sử dụng tài liệu về biển, đảo

Trên cơ sở các kết quả điều tra hiện trạng, tiến hành xây dựng các quy định cụ thể cho việc sắp xếp, lưu trữ, phổ biến và khai thác sử dụng tài liệu về biển, đảo, các quy định bao gồm:

- Quy định về hệ thống tổ chức lưu trữ, phổ biến và khai thác sử dụng tài liệu về biển, đảo (có phân cấp từ Trung ương tới các ngành và địa phương);
- Các quy định về điều kiện kỹ thuật bảo quản ở các kho lưu trữ tài liệu;
- Định hướng các hướng dẫn công nghệ về tin học hóa tài liệu;
- Tổ chức mạng tra cứu điện tử các dữ liệu;
- Các chính sách về chuyển giao, phổ biến dữ liệu;
- Các quy định về kinh phí, điều hành triển khai các dự án về lưu trữ và cung cấp dữ liệu;
- Các quy định nghiệp vụ có liên quan khác.

3.3. Xây dựng các bộ sưu tập và cơ sở dữ liệu nguồn lực thông tin về biển, đảo Việt Nam

- Thu thập các tư liệu có giá trị liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam: Yêu cầu các cơ quan, tổ chức thuộc nguồn nộp lưu tài liệu rà soát, thống kê, giao nộp tài liệu liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ [Chỉ thị số 33/CT-TTg].

- Xây dựng đề án tạo lập các bộ sưu tập chuyên đề mang tính thời sự, về biển, đảo Việt Nam. Khẩn trương tổ chức thu thập các loại tài

liệu trong và ngoài nước liên quan đến biển, đảo, liên quan đến chủ quyền lãnh thổ quốc gia nói chung, Hoàng Sa và Trường Sa nói riêng; xác định những nguồn thu thập có tính chất định kỳ: hội thảo quốc tế, hội thảo quốc gia, hội thảo ngành... liên quan đến chủ quyền lãnh thổ, nhất là chủ quyền về biển, đảo Việt Nam; tận dụng nguồn lực thu thập NLTT về biển, đảo từ những trí thức, các nhà chuyên môn người Việt ở nước ngoài; xử lý nghiệp vụ, hệ thống hóa các tài liệu đã thu thập được, số hóa NLTT về biển, đảo; công bố phát huy giá trị của NLTT về biển, đảo bằng các hình thức thích hợp: Xuất bản sách, đăng tải trên trang Web, tổ chức hội thảo, triển lãm tài liệu, tuyên truyền các giá trị thể hiện về chủ quyền biển, đảo của Việt Nam. Các hoạt động này là cơ sở và chứng cứ đấu tranh tại các diễn đàn trong và ngoài nước.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ Đề án công bố tài liệu liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam; xây dựng Đề án công bố tài liệu liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam: xây dựng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về biển, đảo Việt Nam gồm các loại thư mục, dữ kiện, số liệu, toàn văn để khắc phục được tình trạng độc quyền của các ngành trong việc giữ tài liệu hiện nay; cung cấp nhanh chóng, chính xác và thống nhất về dữ liệu.

- Tổ chức sắp xếp hệ thống dữ liệu điện tử đã được tin học hóa để phục vụ việc tra cứu, khai thác sử dụng và bảo quản NLTT về biển, đảo Việt Nam. Thiết lập hệ thống mạng tra cứu NLTT về biển, đảo Việt Nam trên từng địa phương, từng ngành và toàn bộ quốc gia (có cơ chế quản lý cụ thể).

- Tổ chức hệ thống hóa, nghiên cứu, phân tích NLTT về biển, đảo, nhất là tài liệu hành chính, các bản đồ của Trung Quốc, Việt Nam và các nước Phương Tây trên quan điểm khoa học và pháp lý.

- Xây dựng chính sách phối hợp liên kết với các cơ quan thông tin trong và ngoài nước trong việc chia sẻ NLTT về biển, đảo (có cơ chế quản lý, phối hợp cụ thể).

- Xã hội hóa trong việc huy động các nguồn lực thông tin về biển, đảo.

- Khuyến khích các tầng lớp nhân dân tham gia xây dựng nguồn lực thông tin về biển, đảo.

3.4. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xây dựng và khai thác nguồn lực thông tin về biển, đảo Việt Nam

Tiến hành hiện đại hóa hệ thống thông tin về các tài liệu và số liệu về biển, đảo là một hướng phát triển cần được ưu tiên trong hệ thống thông tin quốc gia. Với việc áp dụng công nghệ thông tin, toàn bộ tài liệu trên giấy cần được xử lý và tra cứu trên hệ thống tra cứu điện tử.

Nội dung tin học hóa gồm:

- Số hóa các tài liệu trên giấy của các cơ quan, tổ chức; quét ảnh và lưu trên đĩa theo công nghệ số;

- Tổ chức sắp xếp hệ thống dữ liệu điện tử đã tin học hóa để phục vụ việc lưu trữ và tra cứu khai thác;

- Thiết lập hệ thống mạng tra cứu tài liệu biển, đảo trên từng địa phương, từng ngành và trên toàn bộ quốc gia (có cơ chế quản lý, phối hợp cụ thể).

Công việc này được tiến hành ở từng đơn vị cơ sở có tài liệu về biển, đảo và được tổng hợp theo từng ngành và từng địa phương (tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương). Đây có thể xem như một dự án của quốc gia... Để tổ chức khai thác giá trị các loại NLTT về biển, đảo Việt Nam hiệu quả và chuyên nghiệp, cần thành lập nhóm các nhà khoa học có chuyên môn về lĩnh vực biên giới, lãnh thổ, công pháp quốc tế, quản lý hành chính nhà nước, đo đạc bản đồ...

Sản phẩm của tin học hóa bao gồm:

- Bộ dữ liệu về biển, đảo Việt Nam được số hóa;

- Hệ thống điện tử lưu trữ và tra cứu dữ liệu;

- Hệ thống mạng cục bộ và mạng diện rộng quản lý và tra cứu các tài liệu về biển, đảo cần được triển khai ở các mức độ khác nhau: từng đơn vị, từng vùng lãnh thổ, từng ngành và trên toàn quốc gia.

4. Một số kiến nghị

Xuất phát từ thực trạng và quan điểm trình bày trên, xin được đưa ra một số kiến nghị.

- *Về định hướng:* Nhà nước cần tăng cường đưa ra các chủ trương và giải pháp quản lý nguồn tài liệu về biển, đảo theo định hướng sau:

+ Quản lý thống nhất các tài liệu về biển, đảo;

+ Quốc gia hóa các tài liệu về biển, đảo;

+ Hiện đại hóa hệ thống tài liệu về biển, đảo (điện tử hóa hệ thống tra cứu và lưu trữ).

- *Về thực hiện:* Cần khẩn trương hình thành và tổ chức triển khai dự án về "Xây dựng hệ thống thông tin tích hợp tin học hóa về tài liệu biển, đảo" với nội dung:

+ Kiểm kê sắp xếp hệ thống tài liệu;

+ Tin học hóa hệ thống tài liệu;

+ Xây dựng các CSDL tư liệu và CSDL dữ kiện;

+ Xây dựng các cơ chế chính sách về hệ thống tài liệu;

+ Xây dựng CSDL quốc gia về biển, đảo.

- *Về tổ chức:* Từng bước có kế hoạch tổ chức để hình thành hệ thống thông tin về biển, đảo, trước mắt ở cấp trung ương, tập trung xây dựng Trung tâm thông tin quốc gia về biển, đảo. Lập bộ phận lưu trữ chuyên trách để thực hiện việc thu thập các tư liệu có giá trị liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam; tiếp nhận, bảo quản, tổ chức sử dụng tài liệu có liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam theo chế độ đặc biệt [Quyết định số 786/QĐ-BNV]. Hình thành đơn vị tổ chức thông tin về biển, đảo ở các bộ/ngành quan trọng như: Quốc phòng, Ngoại giao, Kế hoạch-Đầu tư... và ở 28 tỉnh thành tuyến biển, gắn kết với Trung tâm thông tin quốc gia về biển, đảo. Quá trình xây dựng này được thực hiện theo nhiều vòng khác nhau, lan tỏa dần cho đến khi bao trùm tất cả các ngành, các khu vực và tỉnh, thành. Bài toán về xây dựng mạng lưới thông tin về biển, đảo sẽ là bài toán tối ưu hướng tới tạo lập và phát triển bền vững nguồn lực thông tin về biển, đảo phục vụ cho phát triển kinh tế và bảo vệ chủ quyền của đất nước. NLTT về biển, đảo cần được xem là hợp phần quan trọng trong hệ thống nguồn lực thông tin quốc gia. Như vậy, để tạo lập và phát triển bền vững nguồn lực thông tin về biển, đảo sẽ phải mất nhiều năm và cần được thực hiện dưới sự chỉ đạo của cơ quan Chính phủ.

Kết luận

Trong thời đại ngày nay, NLTT về biển, đảo là một nguồn lực quan trọng trong việc bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phát triển

kinh tế, văn hóa, xã hội. Từ đó, với khả năng sử dụng và khai thác mạnh mẽ NLTT về biển, đảo sẽ tạo cơ hội cho sự thành công của mỗi quốc gia, mỗi ngành, mỗi tổ chức.

Xây dựng và phát huy giá trị NLTT về biển, đảo đang là một trong những vấn đề thu hút được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: an ninh, quốc phòng, kinh tế, xã hội, công nghệ thông tin, thông tin - thư viện, lưu trữ, xuất bản... Ngoài ra, cần cần thúc đẩy sự hỗ trợ tích cực của các cấp lãnh đạo, của các ban ngành đoàn thể ở địa phương đối với công tác xây dựng và khai thác phát huy giá trị NLTT về biển, đảo.

NLTT về biển, đảo Việt Nam giữ vai trò đặc biệt quan trọng, việc xây dựng NLTT về biển, đảo Việt Nam sẽ là những chứng cứ lịch sử có giá trị rất cao mà chúng ta có thể chứng minh chủ quyền của Việt Nam. Đây là nguồn lực thông tin có giá trị, cần được xây dựng, tổ chức thu thập, khai thác và công bố góp phần cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo của Việt Nam nói chung và Hoàng Sa, Trường Sa nói riêng; góp phần xây dựng chính trị, văn hóa-xã hội, kinh tế biển, phát triển du lịch, dịch vụ, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 11/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác sưu tầm, thẩm định, công bố, sử dụng các tài liệu, bản đồ, ấn phẩm và khen thưởng đối với các cá nhân, tổ chức đã sưu tầm và hiến tặng tài liệu liên quan đến chủ quyền biển, đảo Việt Nam.

2. Đảng cộng sản Việt Nam. Ban Chấp hành trung ương (2011), Văn kiện đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, Chính trị quốc gia, Hà Nội.

3. Kỷ yếu hội thảo khoa học sưu tầm tài liệu lưu trữ quý hiếm và phát huy giá trị nguồn sử liệu về biên giới, hải đảo của Việt Nam, Tp. Hồ Chí Minh, 2012.

4. Nguyễn Hữu Hùng (2005). Thông tin: Từ lý luận tới thực tiễn, Văn hoá Thông tin, Hà Nội.

5. Quyết định số 786/QĐ-BNV ngày 27/6/2013 của Bộ Nội vụ thực hiện Chỉ thị số 33/CT-TTg

6. Antopolsky A. B.(2003). Questions of development on scientific and technical information resources, Russian Digital Libraries Journal, Vol 6-Issue 1

7. Information as a raw material for innovation.- Ministry of Education, Science.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 18-12-2016; Ngày phản biện đánh giá: 6-3-2017; Ngày chấp nhận đăng: 28-4-2017).